Biểu mẫu MN- 01

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 – 2024

I. Điểm trường

TT	Địa chỉ	Diện tích điểm trường	Diện tích sân chơi
Điểm trường 1	Thôn 5- Xuân Quan- Văn Giang- Hưng Yên	6.701 m^2	1000 m^2
Cộng tổng diện tích toàn trường		6.701 m^2	1000 m^2
Diện tích toàn trường tính bình quân/01 trẻ em: 15 m^2/trẻ			

II. Phòng học

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m^2)	Bình quân (m^2)/trẻ em
1	Phòng học kiên cố	20	1026 m^2	2 m^2
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học nhờ	0		

III. Phòng chức năng

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Ghi chú
1	Phòng Hội đồng	1	60 m^2	
2	Phòng Hiệu trưởng	1	25 m^2	
3	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	50 m^2	
4	Văn phòng trường	0		
5	Phòng sinh hoạt chung (của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo)	20	1026 m^2	
6	Phòng ngủ (của nhóm trẻ lớp mẫu giáo)	0		
7	Phòng vệ sinh (của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo)	14	130 m^2	
8	Hiên chơi (của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo)	8	230 m^2	
9	Phòng đa chức năng	2	160 m^2	
10	Phòng Y tế	1	25 m^2	

11	Phòng bảo vệ	1	25 m^2	
12	Nhà bếp	1	160m^2	
13	Nhà kho	1	60m^2	

IV. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

TT	Tên danh mục đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi hiện có	Số lượng (bộ)	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)
1	Bộ đồ dùng thiết bị lớp NT	8	Đủ
2	Bộ đồ dùng thiết bị lớp 3T	5	Thiếu
3	Bộ đồ dùng thiết bị lớp 4T	4	Thiếu
4	Bộ đồ dùng thiết bị lớp 5T	3	Thiếu

V. Thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ giảng dạy và học tập

TT	Danh mục thiết bị hiện có	Số lượng	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)
1	Máy vi tính	3	Thiếu
2	Máy chiếu	1	Đủ
3	Ti vi	18	Thiếu
4	Đầu đĩa DVD	0	
5	Đàn Organ	0	
6	Danh mục thiết bị khác	0	

VI. Nhà vệ sinh

Danh mục nhà vệ sinh	Số lượng	Tổng diện tích	Diện tích bình quân/giáo viên/trẻ em	Ghi chú
Dùng cho giáo viên	4	40 m^2	1,1 m^2	Đủ
Dùng cho trẻ em	14	130 m^2	0,26 m^2	Thiếu
Đạt chuẩn vệ sinh	10			
Chưa đạt chuẩn	4			

VII. Cơ cở vật chất, trang thiết bị khác

TT	Tên điểm trường	Danh mục CSVC, trang thiết bị	Có	Không
1		Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
		Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
		Kết nối internet	x	
		Trang thông tin điện tử (website)	x	
		Tường rào xây	x	

Xuân Quan ngày 15 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG HƯNG YÊN
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN QUAN

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hằng

Biểu mẫu MN- 02

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non

Năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhânviên	**35**			**9**	**21**		**5**	**5**	**20**	**5**	**13**	**13**	**4**	
I	**Giáo viên**	**27**			**7**	**20**			**5**	**19**	**3**	**10**	**13**	**4**	
1	Nhà trẻ	14			2	12			5	9		3	9	2	
2	Mẫu giáo	13			5	8			0	10	3	7	4	2	
II	**Cán bộ quản lý**	**3**			**2**	**1**				**1**	**2**	**3**			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			1	1				1	1	2			
III	**Nhân viên**	**5**						**5**							
1	NV văn thư														
2	NV kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	NV y tế														
5	NV khác	5						5							

Xuân Quan,ngày 15 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN QUAN

HIỆU TRƯỞNG

Thị Thu Hà

Biểu mẫu MN- 03

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	**Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được**	**1. Chăm sóc, nuôi dưỡng.** - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được cân và theo dõi biểu đồ sức khỏe 3l/năm, khám sức khỏe định kỳ 2l/năm. - SDD < 2,5%; Thấp còi <2,5 %; - Giảm tỉ lệ thừa cân béo phì so với đầu năm học. - 90% trẻ có khả năng vận động phù hợp theo độ tuổi, sức khỏe tốt. **2. Giáo dục.** - 85% trẻ đạt các mục tiêu đánh giá theo sự phát triển của trẻ. - 80% có thói quen tự phục vụ phù hợp độ tuổi. - 80% nghe và hiểu được lời nói của người khác, nói được câu đơn giản. Biết diễn đạt hiểu biết thông qua câu nói đơn hoặc cử chỉ tay đưa ra, lắc đầu, gật đầu. - 80% Trẻ có hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi.	**1. Chăm sóc, nuôi dưỡng.** - 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. - 100% trẻ được cân và theo dõi biểu đồ sức khỏe 3l/năm, khám sức khỏe định kỳ 2l/năm. - SDD <2,5%; Thấp còi <2,5 %; - Giảm tỉ lệ thừa cân béo phì so với đầu năm học. - 95% trẻ thích vận động và 90% trẻ có kỹ năng vận động khéo léo theo độ tuổi, sức khỏe tốt. **2. Giáo dục.** - Phấn đấu 100% trẻ mẫu giáo đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ. - 95% Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ phù hợp độ tuổi, thói quen, nề nếp vệ sinh. - 95% Trẻ chủ động tích cực hứng thú tham gia vào các hoạt động giáo dục, tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân phù hợp với độ tuổi, mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn phù hợp với độ tuổi; biết thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập phù hợp với độ tuổi, có ý thức về bảo vệ môi trường. - 90% trẻ hiểu được các câu nói của người khác, sử dụng được các câu nói phức tạp hơn. Biết sử dụng các câu nói

			lịch sự, lễ phép. - 100% trẻ mẫu giáo lớn nhận biết được 29 chữ cái, cầm bút tô đúng chiều, ngồi đúng tư thế, trẻ nhận biết chữ trong từ.
II	**Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện**	- 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN mới, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. - 100% trẻ được đánh giá theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016	- 100% lớp thực hiện có chất lượng chương trình GDMN mới, qui chế chuyên môn và chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ.
III	**Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển**	- 85% trẻ đạt các mục tiêu đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: + 85% trẻ đạt lĩnh vực phát triển thể chất; + 85%% trẻ đạt lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. + 85%% trẻ đạt lĩnh vực phát triển ngôn ngữ. + 85% trẻ đạt lĩnh vực phát triển nhận thức.	- 100% trẻ mẫu giáo đạt các mục tiêu đánh giá theo sự phát triển của trẻ. Trong đó: + 100% đạt lĩnh vực phát triển thể chất. +100% đạt lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. + 100% đạt lĩnh vực phát triển ngôn ngữ. + 100%MGL đạt lĩnh vực phát triển nhận thức. + 100% đạt lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.
IV	**Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non**	Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui tết thiếu nhi, tết trung Thu, lễ hội mừng xuân, lễ noel được hưởng các chế độ chính sách…	- Trẻ tham gia các hoạt động lễ hội như vui Trung Thu, lễ hội mừng xuân, lễ noel, tiết thiếu nhi 1/6 - Tham quan trãi nghiệm kỹ năng sống tại khu vui chơi. - Các lớp học ngoại khoá: Tiếng anh, kỹ năng sống. - Được hưởng các chính sách theo chế độ như Hộ nghèo, cận nghèo, học sinh vượt khó

Xuân Quan,ngày 15 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG - T. HƯNG YÊN
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN QUAN

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hằng

Biểu mẫu MN- 04

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	501	0	39	94	126	121	121
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	501	0	39	94	126	121	121
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	500	0	38	94	126	121	121
III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	501	0	39	94	126	121	121
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	501	0	39	94	126	121	121
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**							
1	*Số trẻ cân nặng bình thường*	490	0	39	92	121	117	121

2	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân*	1	0	0	0	1	0	0
3	*Số trẻ có chiều cao bình thường*	495	0	38	94	122	120	121
4	*Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi*	6	0	1	0	4	1	0
5	*Số trẻ nặng hơn so với tuổi*	10	0	0	2	4	4	0
6	*Số trẻ cao hơn so với tuổi*							
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	133	0	38	94			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	368				126	121	121

Xuân Quan,ngày 15 tháng 09 năm 202

Thủ trưởng đơn vị

Biểu mẫu MN- 05

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp năm 2023

TT	Nội dung	Tổng dự toán ngân sách nhà nước cấp	Tổng kinh phí phải tiết kiệm	Tổng kinh phí được sử dụng	Ghi chú
I	**Tổng ngân sách nhà nước cấp**	4.519.629.000		4.519.629.000	
II	**Nội dung dự toán ngân sách nhà nước cấp**				
1	**Chi hoạt động thường xuyên**	4.119.629.000		4.119.629.000	
2	**Chi hoạt động không thường xuyên**				
	- Chi cấp bù học phí				
	- Chi tham quan học tập				
	- Chi cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất của nhà trường				
	- Chi mua sắm, tăng cường trang thiết bị cho nhà trường	400.000.000		400.000.000	
	- Chi khác……				
3	**Thực hiện dự án**				

	xây dựng, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em				
	- Dự án xây dựng cơ sở vật chất				
	- Dự án mua sắm trang thiết bị, dồ dùng, đồ chơi trẻ em				

Xuân Quan,ngày 15 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hằng

Biểu mẫu MN-06

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Công khai quyết toán ngân sách nhà nước cấp từ 01/01/2023 - 15/9/2023

TT	Nội dung	Tổng kinh phí được nhà nước cấp	Tổng kinh phí phải tiết kiệm	Tổng kinh phí được sử dụng chi	Tổng kinh phí đã sử dụng chi	Ghi chú
I	**Tổng ngân sách được cấp**	4.519.629.000		4.519.629.000	3.132.431.870	
II	**Nội dung ngân sách cấp**					
1	**Chi hoạt động thường xuyên**	4.119.629.000		4.119.629.000	3.132.431.870	
	- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương của cán bộ, giáo viên, nhân viên				2.081.918.677	
	- Phúc lợi tập thể				90.000.000	
	- Các khoản đóng góp				372.618.749	
	- Thanh toán dịch vụ công cộng				15.593.344	
	- Vật tư văn phòng				114.776.000	
	- Thông tin tuyên truyền liên lạc				6.984.100	
	- Hội nghị				400.000	
	- Chi phí thuê mướn				77.600.000	
	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng				50.670.000	
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của				205.314.000	

	từng ngành					
	- Chi khác				87.557.000	
2	**Chi hoạt động không thường xuyên**					
	- Chi cấp bù học phí					
	- Chi bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					
	- Chi tham quan học tập					
	- Chi cải tạo, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất của nhà trường					
	- Chi mua sắm tăng cường trang thiết bị cho nhà trường				29.000.000	
	- Chi khác					
	….					
3	**Thực hiện dự án xây dựng, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em**					
	- Dự án xây dựng CSVC					
	- Dự án mua sắm trang thiết bị, dồ dùng, đồ chơi trẻ em					

Xuân Quan, ngày 15 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hằng

Biểu mẫu MN-07

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Công khai dự toán các khoản đóng góp từ học sinh và số tiền được viện trợ, tài trợ, được biếu, được tặng, được ủng hộ năm học 2023-2024

I. Các khoản tiền đóng góp từ học sinh

TT	Danh mục thu	Số học sinh	Định mức thu	Tổng kinh phí dự toán thu được	Tổng kinh phí thực tế thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi
1	Tiền học phí	440	Nhà trẻ: 63.000đ/tháng Mẫu giáo: 50.000đ/ tháng	208.530.000	0	0	0
2	Tiền điện	440	7.000đ/tháng	27.720.000	0	0	0
3	Tiền nước uống	440	6.000đ/tháng	23.760.000	0	0	0
4	Tiền trông xe	0	0	0	0	0	
5	Tiền vệ sinh	440	5.000đ/tháng	19.800.000	0	0	0
6	Tiền học ngày thứ 7	350	120.000đ/tháng	378.000.000	0	0	0
7	Tiền LQ Tiếng Anh bổ trợ	180	80.000đ/tháng	129.600.000	0	0	0
8	Tiền học kỹ năng sống	0	0	0	0	0	0
9	Tiền bán trú	400	150.000đ/tháng	540.000.000	0	0	0
10	Tiền trải nghiệm	0	0	0	0	0	0
11	Tiền may (mua) đồng phục	0	0	0	0	0	0
12	Tiền mua	0	0	0	0	0	0

	vở viết						
13	Tiền bảo hiểm thân thể	420	200.000đ/năm	84.000.000	0	0	0
14	Tiền các khoản thu khác	0	0	0	0	0	0

II. Số tiền được viện trợ, tài trợ, được biếu, tặng, ủng hộ

Danh mục	Số tiền	Ghi chú
Số tiền được viện trợ, tài trợ, được biếu, tặng, ủng hộ	0	0

Xuân Quan,ngày 15 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG T. HƯNG YÊN
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN QUAN

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hằng

Biểu mẫu MN-08

UBND HUYỆN VĂN GIANG

TRƯỜNG MN XUÂN QUAN

THÔNG BÁO

Công khai quyết toán các khoản đóng góp từ học sinh và số tiền được viện trợ, tài trợ, được biếu, được tặng, được ủng hộ năm học 2023-2024

TT	Danh mục quyết toán	Tổng kinh phí thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi	Tổng kinh phí đã chi	Kinh phí còn lại chuyển năm học sau
1	Tiền học phí	0	0	0	0	0
2	Tiền điện	0	0	0	0	0
3	Tiền nước uống	0	0	0	0	0
4	Tiền trông xe	0	0	0	0	0
5	Tiền vệ sinh	0	0	0	0	0
6	Tiền học thứ 7	0	0	0	0	0
7	Tiền học Tiếng Anh bổ trợ	0	0	0	0	0
8	Tiền học kỹ năng sống	0	0	0	0	0
9	Tiền bán trú	0	0	0	0	0
10	Tiền mua vở viết, đồ dùng học tập và đồ chơi của trẻ	0	0	0	0	0
11	Tiền trải nghiệm	0	0	0	0	0
12	Tiền may (mua) đồng phục	0	0	0	0	0
13	Tiền bảo hiểm thân thể(Do công ty BH thu)	84.000.000	0	0	0	0
14	Tiền các khoản thu khác	0	0	0	0	0

II. Số tiền được viện trợ, tài trợ, được biếu, tặng, ủng hộ

Danh mục	Tổng kinh phí (số	Tổng kinh phí (số	Tổng kimh phí (số	Ghi chú

	tiền) thu được	tiền) đã chi	tiền) còn lại	
Số tiền được viện trợ, tài trợ, được biếu, tặng, ủng hộ	0	0	0	0

Xuân Quan,ngày 15 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG T. HƯNG YÊN
TRƯỜNG MẦM NON XUÂN QUAN

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hằng